

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/DS-ST

Ngày 31 – 3 – 2025

V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giang

2. Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 669/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp Đầu S, xã Tân H, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1987; Địa chỉ: khóm 1, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2024 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân Hưng T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1987 và chị Võ Cẩm V, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: ấp Hưng H, xã Tân Hưng T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (anh L vắng mặt, chị V xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2021 âm lịch, ông Huỳnh Văn Đ mở dây hụi 500.000 đồng, tháng khui 02 lần, hụi có 100 chân, hụi hưởng hoa hồng là 350.000 đồng, ông Nguyễn Văn K tham gia chơi 01 chân và đã đóng được 80 kỳ hụi sống nhưng đến kỳ thứ 81 nhằm ngày 06/4/2024 âm lịch, ông Đ tuyên bố đình hụi nên trong dây hụi này, số tiền ông K được hưởng là 40.000.000 đồng, trừ tiền cò thì ông K còn lại 39.650.000 đồng. Sau đó, ông Đ có trả được 2.750.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Trong quá trình giao dịch hụi, vợ chồng ông L và ông Đ là người trực tiếp đi gom tiền hụi của ông K nên ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn Đ, chị Võ Cẩm V, anh Huỳnh Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho ông K một lần hết số tiền hụi chưa trả là 36.900.000 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), không yêu cầu bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra, ông K không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn Đ (bị đơn) trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về thời gian mở hụi, loại hụi, số hụi viên tham gia và số chân hụi mà nguyên đơn tham gia, số tiền còn nợ nguyên đơn 39.650.000 đồng là đúng. Dây hụi này do ông làm chủ nhưng trong quá trình khui hụi, gom tiền hụi ở từng kỳ hụi là do con của ông là chị Võ Cẩm V, anh Huỳnh Văn L trực tiếp giao dịch với hụi viên, việc mở hụi nhằm mục đích kiếm lời để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình và ông cùng anh L mở hụi nhưng trong danh sách hụi viên ông đại diện đứng tên chủ hụi nên ông đồng ý cùng anh L, chị V liên đới trả số tiền nợ trên cho nguyên đơn. Riêng bà Nguyễn Thị C không còn sinh sống với ông từ năm 2015 cho đến nay, tuy không ra tòa ly hôn nhưng ông bà mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai và việc ông cùng anh L, chị V mở hụi bà C không biết cũng không tham gia giao dịch hoặc thỏa thuận gì với hụi viên nên bà C không có trách nhiệm trả số tiền nợ trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2025, chị Võ Cẩm V trình bày:

Chị với L là vợ chồng, việc ông Đ và anh L tổ chức chơi hụi và nợ hụi phát sinh từ trước khi chị về làm dâu. Tuy nhiên, chị có biết được việc ông K khởi kiện nhưng việc khui hụi, gom hụi, giao hụi là do anh L thực hiện, tiền dùng để chi tiêu trong sinh hoạt gia đình là do ông Đ cùng anh L lo còn nguồn tiền ở đâu mà có thì chị không biết được. Hiện hoàn cảnh chị khó khăn phải đi làm thuê để nuôi con nhỏ nên không đồng ý liên đới cùng ông Đ, anh L trả nợ cho ông K. Đồng thời, chị xin vắng mặt trong các lần Tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Đối với anh Huỳnh Văn L (bị đơn) là con ruột của ông Đ, là chồng của chị V, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng anh L không đến Tòa cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K (nguyên đơn). Riêng ông Đ cũng vắng mặt tại phiên xét xử, không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, với các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Huỳnh Văn L và ông Huỳnh Văn Đ đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Riêng chị Võ Cẩm V đã có lời khai và xin vắng mặt trong các lần Tòa án phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử vụ án với lý do bận công việc nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu của chị V và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L.

Đối với bà Nguyễn Thị C, do ông Nguyễn Văn K không yêu cầu bà C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ nên Tòa án không đưa bà C vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng về hội. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hội, bị đơn đã đình hội vào ngày 06/4/2024 (AL) nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền hội đã góp cho nguyên đơn, nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Việc bị đơn mở dây hội vào ngày 06/01/2021 âm lịch, tuy không đăng ký với chính quyền địa phương nhưng có lập danh sách hội viên, được các đương sự thừa nhận về thời gian mở hội, loại hội, số hội viên tham gia, số chân hội nguyên đơn tham gia, thời gian nguyên đơn đóng hội cũng như thời gian bị đơn đình hội là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Dây hội nêu trên, ông Đ thừa nhận còn nợ và đồng ý cùng với anh L, chị V liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hội còn thiếu là 39.650.000 đồng. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã trả được số tiền 2.750.000 đồng nên đối trừ và chỉ yêu cầu bị đơn liên đới trả số tiền còn nợ là 36.900.000 đồng là có cơ sở. Mặc dù, chị V không đồng ý liên đới trả nợ nhưng trong dây hội này, vào ngày 09/7/2024, bà Nguyễn Thị Trang là hội viên cũng đã khởi kiện ông Đ, anh L cùng chị V và tại bản án dân sự sơ thẩm số: 211/2024/DS-ST ngày 10/9/2024, Tòa án đã quyết định buộc ông Đ, anh L và chị V cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Trang, chị V không kháng cáo, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật. Hơn nữa, tại thời điểm mở hội cho đến nay, giữa anh L với chị V vẫn còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng mà chưa có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết ly hôn. Bên cạnh đó, chị V cũng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng có thỏa thuận bằng văn bản về việc làm ăn, kinh doanh riêng và chịu trách nhiệm riêng đối với tài sản được tạo lập do làm ăn riêng, kinh

doanh riêng mà có được trong khi ông Đ đồng ý cùng anh L, chị V trả nợ. Do đó, lời trình bày của chị V không có căn cứ.

[5] Từ các đánh giá tại [2], [3] và [4], Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cùng liên đới trả số tiền 36.900.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy do các đương sự không thỏa thuận được với nhau và việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu số tiền 1.845.000 đồng nên ông Đ, anh L và chị V mỗi người phải nộp số tiền 615.000 đồng. Do ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên xét miễn án phí cho ông Đ còn chị V, anh L phải nộp. Đối với nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ, anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V cùng có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền là 36.900.000 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu thi hành án, ông Huỳnh Văn Đ cùng anh Huỳnh Văn L, chị Võ Cẩm V không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Huỳnh Văn Đ là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Anh Huỳnh Văn L và chị Võ Cẩm V, mỗi người phải nộp số tiền án phí là 615.000 đồng (sáu trăm mười lăm nghìn đồng – chưa nộp).

Ông Nguyễn Văn K không phải chịu. Ngày 17/12/2024, ông K đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 991.000 đồng (chín trăm chín mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003672 được trả lại toàn bộ cho ông K.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân**